TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀNG MAI** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 16 -8- 2024.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và bà Tô Thị Thanh Hoa

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Cao Trọng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đào Giang Lệ– Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án thị xã H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị L, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn C, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn*: Anh Lê Công N, sinh năm 1995.

Nơi thường trú: Thôn E, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ hiện tại: hiện đang làm việc tại quán M số A đường C thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng tại tòa án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Công N đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau bình thường. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng hông hợp tính tình, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị L không còn tình cảm với anh N, chị Trần Thị L xin được ly hôn anh Lê Công N.

- Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Lê Công N có một con chung là Lê Gia K, sinh ngày 11 tháng 1 năm 2018. Hiện nay con chung đang ở với chị L. Ly hôn chị L xin được giao quyền nuôi con chung. Anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng thì chị cũng đồng ý.

- Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lê Công N khai:

Về hôn nhân: Anh N thống nhất về thời gian kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn như chị L trình bày ở trên là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị L và anh N sống xa nhau . Nay chị L xin ly hôn thì anh N không đồng ý.

Về con chung: Anh N thống nhất anh N và chị L1 có một con chung như chị L trình bày ở trên là đúng. Nếu ly hôn anh N đề nghị giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về quan hệ tại sản chung, nợ chung: Anh N và chị L không có tài sản chung, nợ chung.

- Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị L và anh Lê Công N: Chị Trần Thị L và anh Lê Công N không chung sống với nhau tại xã Q nên không có thông tin về mâu thuẫn vợ chồng của chị Trần Thị L và anh Lê Công N.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, xác minh, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tung dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn

nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Lê Công N.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Gia K, sinh ngày 11 tháng 1 năm 2018 cho chị Trần Thị L nuôi dưỡng. Anh Lê Công N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.0000 đồng.

Anh Lê Công N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn . Anh Lê Công N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp nuôi con, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Lê Công N có nơi thường trú tại thôn E, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tung dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn chị Trần Thị L và anh Lê Công N có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lê Công N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 16/10/2017 tại Ủy ban nhân dân xã xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh N do vợ chồng sống xa nhau, không còn quan tâm đến nhau. Tuy anh N không đồng ý ly hôn, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh N và chị L không thể tiếp tục, tình cảm của chị L cho anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Lê Công N.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Lê Công N có một con chung là Lê Gia K, sinh ngày 11 tháng 1 năm 2018. Hiện nay con chung đang ở với chị L. Anh N, chị L thống nhất giao con chung cho chị L nuôi dưỡng và anh N cấp

dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét đề nghị giao con chung của chị L và anh N đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lê Công N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị L, bị đơn anh Lê Công N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Lê Công N. Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2017 ngày 16 tháng 10 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai hết giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung là Lê Gia K, sinh ngày 11 tháng 1 năm 2018 cho chị Trần Thị L2 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Công N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng từ tháng 8 năm 2024 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Lê Công N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nạp theo biên lai thu số 0008509 ngày 04/4/2024 tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai. Anh Lê Công N phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị L và bị đơn anh Lê Công N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX Hoàng Mai;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai;
- Lưu HS;
- UBND xã Ia Yok huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hồng Lĩnh